

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 07 – 9 – 2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

Ông Nguyễn Văn Mâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Khiếm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Mộng T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp LĐ, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Ngọc T1, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Rau Dừa C, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2022 và các lời khai tại Tòa án, bà Lê Mộng T (nguyên đơn) trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Đặng Ngọc T1 chung sống với nhau vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình có hàn gắn nhưng không thành và đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay bà yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà xác định không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Đặng Ngọc T1, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của bà T nhưng ông T1 không có ý kiến. Tòa án thông báo để ông T1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông T1 vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa ông, bà được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đặng Ngọc T1 tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông T1 vắng mặt không lý do; nguyên đơn bà Lê Mộng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1, bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền*:

Tranh chấp giữa bà Lê Mộng T với ông Đặng Ngọc T1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đặng Ngọc T1 có địa chỉ cư trú tại ấp Rau Dừa C, xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T và ông T1 chung sống với nhau vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn 36 ngày 16/4/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1, với nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình có hàn gắn nhưng không thành và đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử ông T1 không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của bà T, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho ông. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của bà T cho bà T được ly hôn với ông T1 là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà T xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu ông, bà không thỏa

thuận được với nhau thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3.4] Về nợ thu, nợ trả: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Mộng T.

[1] *Về hôn nhân*: Bà Lê Mộng T được ly hôn với ông Đặng Ngọc T1.

[2] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Lê Mộng T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008196 ngày 10/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bà Lê Mộng T và ông Đặng Ngọc T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- UBND xã Hoà Mỹ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Hiền**

